

Chính sách lạm phát mục tiêu và cơ hội của Việt Nam trong giai đoạn tái cơ cấu hệ thống ngân hàng

ThS. NGUYỄN PHÚC CẢNH

Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Chính sách và hoạt động của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) quyết định sự thành công của quá trình tái cấu trúc hệ thống tài chính nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng. Đây cũng là cơ hội để Việt Nam xác định cơ chế và phương pháp điều hành chính sách trong tương lai của NHNN nhằm bảo đảm tính an toàn và hiệu quả của hệ thống. Chính sách lạm phát mục tiêu có thể xem như một hướng đi tích cực cần nghiên cứu và xây dựng trong giai đoạn tái cấu trúc hệ thống ngân hàng nhằm chuẩn bị những điều kiện để có thể áp dụng trong tương lai.





Từ khóa: *Lạm phát mục tiêu, Ngân hàng Nhà nước, tài cấu trúc*

1. Ngân hàng trung ương và chính sách lạm phát mục tiêu

1.1. Sự phát triển của chính sách lạm phát mục tiêu trên thế giới

Chính sách lạm phát mục tiêu (Inflation Targeting Policy) được khởi nguồn từ New Zealand vào năm 1988, sau đó hàng loạt các quốc gia khác cũng chuyển sang chính sách này như Chilê, Canada, Israel, Anh, Thụy Điển, Phần Lan, Úc, Tây Ban Nha và dần trở thành một trong những chính sách quan trọng của chính sách tiền tệ (CSTT) ở các quốc gia trên thế giới.

Bảng 1. Các quốc gia áp dụng chính sách lạm phát mục tiêu

Năm	Quốc gia
1989	New Zealand
1990	Chile - Canada
1991	Israel - Anh
1992	Thụy Điển - Phần Lan - Úc
1995	Tây Ban Nha
1998	Cộng hòa Séc - Hàn Quốc - Phần Lan
1999	Mexico - Brazil - Colombia - ECB
2000	Nam Phi - Thái Lan
2001	Iceland - Na Uy - Hungary - Peru - Philip-pines
2005	Guatemala - Indonesia - Romania
2006	Thổ Nhĩ Kỳ - Serbia
2007	Ghana

Nguồn: Lars (1999); Truman, Edwin (2003); Roger, Scott (2010)

Bảng 2. Mục tiêu lạm phát của một số quốc gia

Quốc gia	Mức Lạm phát mục tiêu
Anh	Lạm phát theo CPI từ 1- 3%
Canada	Lạm phát theo CPI từ 1%- 3%
ECB	Trần của Lạm phát theo CPI: 2%
Hàn Quốc	Giai đoạn 2010- 2012: Lạm phát theo CPI từ 2%- 4%
New Zealand	Lạm phát từ 1- 3%
Thụy Điển	Lạm phát theo CPI từ 1- 3%
Úc	Lạm phát từ 3%- 5%

Nguồn: Tổng hợp từ website NHTW các quốc gia và ECB, ngày truy cập 3/8/2013

Từ năm 2011, đã có tới 27 ngân hàng trung ương (NHTW) trên thế giới áp dụng theo lạm phát mục tiêu thành công (Hammond, 2011). Chính sách lạm phát mục tiêu được xem như một chính sách thích hợp nhất để các NHTW xây dựng và thực thi, điều hành chính sách của mình hiệu quả.

1.2. Cơ chế thực thi chính sách lạm phát mục tiêu

Mục đích chính của lạm phát mục tiêu là xác định mức lạm phát mà NHTW hướng đến, từ đó giúp xác định lạm phát mong đợi trong các thành phần của nền kinh tế và giúp cho nền kinh tế vĩ mô ổn định. Hệ thống lạm phát mục tiêu có ba đặc điểm quan trọng (Lars, 1999):

- NHTW xác định rõ mức lạm phát mục tiêu mà mình hướng đến.

- Quốc gia có khung chính sách rõ ràng để ra quyết định kinh tế, ra quyết định về mục tiêu lạm phát.

- NHTW có tính minh bạch và trách nhiệm cao trong thực thi chính sách.

Sau khi NHTW xác định mức lạm phát mục tiêu sẽ tiến hành công bố và thực thi các chính sách khác làm sao để đảm bảo đạt được mức lạm phát mục tiêu đề ra (có thể xê dịch trong ngưỡng cho phép), từ đó tạo ra mức kỳ vọng về lạm phát trong khu vực tư nhân đúng với mức lạm phát mục tiêu mà NHTW đã đề ra. Cụ thể, việc đầu tiên mà NHTW phải thực hiện là xác định mức lạm phát mục tiêu, các NHTW thường giữ kín phương pháp họ sử dụng nhưng thông thường mức lạm phát mục tiêu được xác định dựa trên dự báo về lạm phát của quốc gia.

Sau khi xác định mức lạm phát mục tiêu, NHTW phải đảm bảo thực hiện chính sách lạm phát mục tiêu này hiệu quả, điều đó đòi hỏi tính minh bạch và trách nhiệm cao của NHTW trong thực thi chính sách. Trong đó, ba yếu tố then chốt là: Sự độc lập của NHTW (Central Bank Independence), sự tin cậy (Credibility) của dân chúng vào NHTW trong thực thi chính sách (Mishkin, 2004) và tính minh bạch của chính sách (Transparency).

Sự độc lập của NHTW thường được nhắc đến như sự độc lập khỏi tác động của chính phủ. Điều



này thể hiện qua việc chính phủ có can thiệp vào việc ra quyết định và thực thi CSTT của NHTW hay không (Alex Cukierman, 2008). Có nhiều cấp độ độc lập của NHTW, nếu NHTW độc lập hoàn toàn khỏi chính phủ, tức NHTW có thể độc lập quyết định các chính sách của mình mà không chịu ảnh hưởng của chính phủ, như trường hợp của FED và ECB là điển hình. Tuy nhiên, ngay cả khi độc lập trong ra quyết định chính sách thì người đứng đầu của các cơ quan này vẫn có mối liên hệ với chính phủ khi họ được bổ nhiệm bởi Tổng thống Mỹ (FED) và Hội đồng châu Âu. Một số quốc gia khác như New Zealand, Thụy Điển, Anh, mục tiêu lạm phát được xác định bởi Chính phủ, do đó các NHTW của những quốc gia này không độc lập hoàn toàn.

Điều kiện thứ hai để chính sách lạm phát mục tiêu đạt hiệu quả là sự tin tưởng của dân chúng vào khả năng thực thi và đạt được mức lạm phát đó của NHTW. Nếu người dân không tin tưởng, hoặc NHTW không thực hiện các hành động đúng như mình đề ra sẽ làm cho người dân thay đổi kỳ vọng về lạm phát khác so với mức lạm phát mục tiêu mà NHTW đã thiết lập, và người dân sẽ phản ứng khác với kỳ vọng ban đầu nên lạm phát thực sẽ khác với lạm phát mong đợi của NHTW.

Cuối cùng, vấn đề minh bạch hóa thông tin cũng rất quan trọng trong thực thi chính sách lạm phát mục tiêu. Khi NHTW thực thi CSTT, việc công khai và minh bạch hóa chính sách sẽ đem lại nhiều lợi ích khác nhau (Eijffinger, Van der Cruysen, 2007). Bởi vì chính sách càng minh bạch thì mong đợi của người dân, doanh nghiệp sẽ càng dễ dàng đi theo hướng mà NHTW mong muốn, hay nền kinh tế càng dễ đặt niềm tin vào chính sách vì họ có khả năng học hỏi từ các chính sách quá khứ và xây dựng mong đợi của mình phù hợp với chính sách thực (Svensson, 2003). Eusepi (2005) khẳng định sự minh bạch trong chính sách sẽ giúp giảm đi sự mất cân bằng và mất ổn định trong mong đợi của nền kinh tế. Ngoài ra, sự minh bạch trong chính sách còn mang đến nhiều lợi ích khác: Giảm thiểu các chi phí do thiệt hại từ dự đoán sai (Chortareas và cộng sự, 2003; Dai, Sidiropoulos, 2008), giúp

nền kinh tế đạt được mức lạm phát thấp (Hughes Hallett, Libich, 2006) và giúp ổn định mức lạm phát (Demertzis, Hughes Hallett, 2007), đồng thời giúp ổn định nền kinh tế vĩ mô trong các cú sốc hoặc trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế (Dai, Spyromitros, 2012).

2. Chính sách lạm phát mục tiêu và cơ hội từ giai đoạn tái cấu trúc hệ thống ngân hàng tại Việt Nam

Việt Nam tiến hành đổi mới từ 1986, chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp chuyển sang nền kinh tế định hướng thị trường. Nền kinh tế đã có bước phát triển vượt bậc, với thu nhập bình quân tăng từ 210 USD (1986) lên trên 1.200 USD/người/năm (2012) nhưng Việt Nam vẫn bị xếp vào nhóm nước có thu nhập thấp (Vuong Quan Hoang, Tran Tri Dung, 2009). Việt Nam vừa mới gia nhập WTO thì phải đối phó với khủng hoảng kinh tế 2008, phải tái cấu trúc toàn bộ hệ thống tài chính- tiền tệ. Các nghiên cứu gần đây có sử dụng các mô hình định lượng tại Việt Nam về chính sách và hoạt động của NHNN để tìm ra giải pháp thích hợp nhất cho hoạt động điều hành của NHNN trong thời gian tái cấu trúc nhưng chưa đề cập nhiều đến hoạt động của NHNN sau giai đoạn tái cấu trúc. Phương pháp, cơ chế hoạt động, điều hành của NHNN sau tái cấu trúc rất quan trọng, vì nếu không Việt Nam sẽ rơi vào vòng luẩn quẩn: khủng hoảng- tái cấu trúc- khủng hoảng lại.

Các nghiên cứu tập trung vào quan hệ giữa chính sách điều hành của NHNN với hệ thống tỷ giá, lạm phát, sự bất thường trong dòng tín dụng như Nguyen (1999), Riedel và Leung (2001), Vuong và Ngo (2002), Ohno (2003), Camen (2005), Mai (2007), Vuong và cộng sự (2008). Các nghiên cứu có những kết luận quan trọng sau:

- Trước giai đoạn 2000, theo Riedel and Turley (1999), chính sách của NHNN được yêu cầu phải đạt rất nhiều mục tiêu mà Chính phủ đưa ra. NHNN phụ thuộc nhiều vào Chính phủ và mức độ độc lập yếu.

- Vuong và Ngo (2002) phát hiện hiện tượng tồn tại hai tỷ giá hối đoái, vì Chính phủ Việt Nam quản lý rất chặt dòng vốn vào và ra ở Việt Nam



giai đoạn này. Có thể vì như vậy nên Việt Nam đã không bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng Châu Á giai đoạn 1996- 1997 như Thái Lan, Indonesia, Hàn Quốc và Đài Loan.

- Adam và cộng sự (2002) sử dụng mô hình VECM và phát hiện rằng tình trạng đô la hóa ở Việt Nam đã ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái ở Việt Nam khá nhiều.

- Camen (2005) thì kết luận bắt đầu có sự nhận thức và thay đổi về việc NHNN sẽ quản lý CSTT độc lập, Chính phủ có thiết lập những chỉ tiêu về mức lạm phát mục tiêu của chính sách, CSTT bắt đầu được làm rõ hơn về công cụ sử dụng và chiến lược thực thi.

- Packard (2007) nghiên cứu về cơ chế truyền dẫn của CSTT và cho thấy rằng đây là “bức tranh nhiều mây”, trong đó lạm phát được xem là mục tiêu cao nhất của CSTT nhưng không phải là tất cả. Còn lại các kênh truyền dẫn của CSTT không thể phân biệt rõ ràng được.

- Fulbright (2008) nghiên cứu về phương pháp hoạch định và ra chính sách cũng như thực thi chính sách của Chính phủ Việt Nam. Bài thảo luận chính sách cho kết luận: Chính phủ Việt Nam thực thi chính sách và phối hợp chính sách yếu và thiếu hiệu lực. Các cơ quan hoạch định chính sách của Việt Nam đang bị phân tán, thiếu sự phối hợp, quá nhạy cảm trước sức ép chính trị, do đó, nhóm nghiên cứu của Fullright đề xuất chính phủ Việt Nam phải xây dựng một cơ quan hoạch định và phân tích chính sách chuyên nghiệp và có trách nhiệm, có khả năng phản ứng nhanh chóng và hiệu quả trước những thay đổi của nền kinh tế nội địa và toàn cầu.

- Vũ Thị Mai Trâm (2012) nghiên cứu mối quan hệ giữa CSTT và rủi ro của hệ thống NHTM Việt Nam có kết luận rằng CSTT thay đổi là một phần nguyên nhân gây ra các rủi ro cho hệ thống NHTM Việt Nam. Các loại rủi ro mà NHTM Việt Nam đối mặt trong những năm gần đây đến 2012 là: Rủi ro từ các khoản nợ xấu của NHTM, rủi ro thanh khoản, rủi ro tiền tệ và rủi ro từ cho vay các khoản vay liên quan.

- Nghiên cứu của Hồ Phú Hiên (2009) cho thấy, NHNN đã bắt đầu sử dụng nhiều công cụ gián tiếp trong thực thi CSTT của mình và chủ yếu

hướng đến cung tín dụng của NHTM nhiều hơn như lãi suất, dự trữ bắt buộc. Còn nghiên cứu mới đây của Nguyen Thi Thanh Huyen (2012) kết luận rằng, Việt Nam không đủ điều kiện để thực thi CSTT theo lạm phát mục tiêu vì chưa có những điều kiện cần thiết để thực thi chính sách lạm phát mục tiêu. Tuy nhiên, vẫn có những nhà nghiên cứu cho rằng lạm phát mục tiêu vẫn có thể áp dụng tại Việt Nam vì:

Một số quốc gia đang phát triển vẫn áp dụng lạm phát mục tiêu trước khi các điều kiện để áp dụng thỏa mãn như trường hợp của Chile, Brazil.

Bởi vì mục tiêu ổn định giá cả được xem là mục tiêu quan trọng nhất của CSTT từ năm 2011.

Như vậy, có thể thấy rằng ở Việt Nam, NHNN khó có thể thực thi chính sách lạm phát mục tiêu ngay trong thời điểm hiện tại vì chưa hội đủ điều kiện, tuy nhiên việc xây dựng các điều kiện cần thiết để thực thi chính sách này trong giai đoạn tái cấu trúc hệ thống ngân hàng hiện nay là bước đi cần thiết để thực thi chính sách lạm phát mục tiêu trong tương lai. Đây là cơ hội mà Việt Nam không nên bỏ lỡ.

3. Một số đề xuất

Trên những bằng chứng thực nghiệm cho thấy hiệu quả của chính sách lạm phát mục tiêu, tác giả đề xuất NHNN nên xây dựng và thực thi chính sách này, tuy nhiên chưa thể áp dụng ngay trong giai đoạn hiện nay mà cần phải có bước chuẩn bị những điều kiện cần thiết để áp dụng trong tương lai. Những điều kiện đó bao gồm:

Thứ nhất, xây dựng NHNN độc lập trong hoạt động và thực thi CSTT và các chính sách quản lý khác. Đây là điều kiện cần để thực thi chính sách lạm phát mục tiêu. Theo Akhand Akhtar Hossain (2009), Việt Nam là quốc gia có mức độ đô la hóa cao bên cạnh các quốc gia khác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia, Thái Lan và Cambodia (quốc gia có mức độ đô la hóa cao nhất). Điều này là bởi vì Chính phủ can thiệp sâu vào chính sách của NHNN nên NHNN gần như không có mục tiêu và công cụ của CSTT độc lập. Tại Việt Nam, CSTT được NHNN thực hiện qua công cụ hoạt động trên thị trường mở, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, dự trữ bắt buộc và đôi khi tác động trực tiếp vào lãi suất



Bảng 3. Cơ quan giám sát hệ thống ngân hàng của một số quốc gia

Quốc gia	Cơ quan giám sát HTNH
Anh	Bank of England
Bỉ	Banking, Finance Commission
Canada	Office of the Superintendent of Financial Institution
Đức	Federal Banking Supervisory Office và Deutsche Bundesbank
Hà Lan	Dutch Central Bank
Mỹ	Office of the Comptroller of the Currency; Federal Reserve; Federal Deposit Insurance Corporation
Nhật Bản	Financial Services Agency
Pháp	Commission Bancaire
Thụy Điển	Swedish Financial Supervisory Authority
Thụy Sĩ	Federal Commission
Ý	Bank of Italy

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

**Lưu ý: những cơ quan có dấu gạch chân ở tên là NHTW của các quốc gia tương ứng*

của NHTM. Trong khi đó Chính phủ sử dụng quyền lực của mình để can thiệp trực tiếp vào một số loại giá cả. Vì vậy mà sự độc lập trong thực thi CSTT của NHNN giai đoạn 1991- 2005 là thấp nhất trong 36 nước khu vực Châu Á Thái Bình Dương (Ahsan và cộng sự, 2007). Do đó, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh quá trình độc lập hóa trong thực thi chính sách của NHNN.

Thứ hai, thiết lập cơ quan giám sát hệ thống ngân hàng độc lập. Trong các vai trò của mình thì NHTW có vai trò giúp chính phủ giám sát hệ thống ngân hàng, hoặc ít nhất là giám sát các ngân hàng được phép huy động tiền gửi. Tuy nhiên, không phải ở quốc gia nào NHTW cũng đóng vai trò là ngân hàng giám sát hệ thống tài chính mà một số quốc gia còn thiết lập cơ quan chuyên biệt để giám sát cùng với NHTW (Bảng 3). Vì vậy, để đảm bảo kiểm soát tốt rủi ro của hệ thống ngân hàng nói chung và đảm bảo NHNN thực thi tốt chính sách của mình, Chính phủ Việt Nam cần xây dựng một ủy ban giám sát hệ thống ngân hàng riêng biệt. Đây cũng là việc làm cần thiết nhằm bảo đảm quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng hiệu quả.

Thứ ba, NHNN cần minh bạch hóa thông tin tài chính tiền tệ hơn nữa. Gần đây, NHNN đã tiến hành công bố nhiều bộ chỉ tiêu liên quan đến hoạt động tài chính ngân hàng, tuy nhiên tác giả đề xuất cần phải minh bạch cao hơn. Đây là điều kiện cần thiết để xây dựng và thực thi chính sách lạm phát mục tiêu. NHNN cần xây dựng các bộ chỉ tiêu rõ ràng về hệ thống tài chính tiền tệ và nên công bố theo quý hoặc tốt hơn nữa, nên công bố theo tháng để đảm bảo các thông tin được cập nhật nhanh chóng và hiệu quả.

4. Kết luận

Chính sách lạm phát mục tiêu sẽ phát huy hiệu quả tốt trong hoạt động điều hành của NHNN trong giai đoạn hậu tái cấu trúc. Do đó, quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng hiện nay là cơ hội để xây dựng các điều kiện cần thiết cho quá trình áp dụng chính sách lạm phát mục tiêu trong thời gian tới. Để thực hiện được việc này cần có sự đồng lòng và quyết tâm cao của Chính phủ và NHNN. Chính sách lạm phát mục tiêu được sử dụng đúng đắn hứa hẹn sẽ mang lại hiệu quả trong hoạt động điều hành chính sách của NHNN trong tương lai. ■

Tài liệu tham khảo

1. Adam Fforde and S. de Vylder (1996), "From Plan to Market: The Economic Transition in Vietnam", Westview Press, Boulder CO.
2. Alex Cukierman (2008), "Central bank independence and monetary policymaking institutions- Past, present and future", *European Journal of Political Economy* 24, 722-736.
3. Camen, U. (2005), "Monetary policy in Vietnam: the case of a transition country," *BIS Working Papers* 31.
4. Dai, Q., & Singleton, K. (2002), "Expectations puzzles, time-varying risk premia, and affine models of the term structure", *Journal of Financial Economics* 63(3), 415-441.
5. Eijffinger, S., Van der Cruysen, C. (2007), "The economic impact of central bank transparency: a survey", *CEPR Discussion Paper* Nr. 6070.
6. Eusepi, S. (2005), "Central bank transparency under model uncertainty", *Federal Reserve Bank of New York Staff Report* No.199, January.
7. Fulbright (2008), "Tình trạng bất ổn vĩ mô: Nguyên



nhân và phản ứng chính sách”, Bài thảo luận chính sách số 1.

8. Hồ Phú Hiến (2009), “Giải pháp hoàn thiện CSTT Việt Nam giai đoạn hậu khủng hoảng”, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM.

9. Hammond, G. (2011), “State of the art of inflation targeting”, Bank of England, CCBS Handbook No. 29-February.

10. Hughes Hallett, A., Libich, J. (2006), “Central bank independence, accountability and transparency: complements or strategic substitutes?”, CEPR Discussion Paper No.5470.

11. Lại Thị Ngọc Châm, 2012, Chính sách điều hành tỷ giá và cán cân thương mại của Việt Nam: Thực trạng và giải pháp, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học kinh tế Tp.HCM.

12. Lars E.O. Svensson (1999), “Inflation targeting as a monetary policy rule”, Journal of Monetary Economics 43, 607- 654.

13. Lê Thị Thanh Thủy (2011), “Đánh giá môi trường tài chính Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM.

14. Nguyễn Trung Kiên, 2013, Kiểm chế lạm phát với sự phối hợp chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá, Nghiên cứu tài chính kế toán, Số 2, 2013, Tr:5-7, 23.

15. Nguyễn Thị Bích Loan, 2013, Tác động của chính sách tiền tệ đối với hoạt động của thị trường chứng khoán TP HCM, Kinh tế & phát triển, Số 2, 2013, Tr:34-38.

16. Nguyễn Thị Ngọc Trang (2012), “Lạm phát và hành vi giá cả trong hoạch định chính sách tiền tệ tại Việt Nam”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM, 2012.

17. Nguyen Thi Thanh Huyen (2012), “Is Inflation Targeting Appropriate for Vietnam?”, Master in Public Policy Dissertation, Fulbright Economic Teaching Program.

18. Phương Ngọc, 2013, Các nước phát triển và đang phát triển nói lòng chính sách tiền tệ để hỗ trợ thị trường, Thuế nhà nước, Số 9+10, 2013, Tr:26-27.

19. Parkard (2007), “Monetary policy in Vietnam: Alternatives to inflation targeting,” University of Massachusetts’ PERI Paper.

20. Riedel, J. and Leung, S. (2001), “The role of the State in Vietnams economic transition,” Working Paper 01-1, Asia Pacific School of Economics and Government the Australian National University.

21. Roger; Scott (2010), “Inflation targeting turns 20”, Finance and Development 47, No 1, 46- 49.

22. Svensson, L.E.O (2003), “Monetary policy and learning”, Federal Reserve Bank of Atlanta Economic Review, Third Quarter. 11-16.

23. Thái Doãn Hạnh (2011), “Đánh giá tính dễ tổn thương của hệ thống NHTM Việt Nam- thực trạng và giải pháp”, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học kinh tế Tp.HCM.

24. Tô Nguyễn Trường An (2010), “Ảnh hưởng của Chính sách tiền tệ với thị trường chứng khoán Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM.

25. Trần Ngọc Thơ, 2012, Nghiên cứu sơ thảo về phá giá tiền tệ và một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam: Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Kinh Tế TP.HCM.

26. Trần Ngọc Thơ, Nguyễn Hữu Tuấn (2013), “Cơ chế truyền dẫn CSTT ở Việt Nam tiếp cận theo mô hình SVAR”, Tạp chí Phát triển và Hội nhập 10, UEF.

27. Trần Văn Hùng (2011), “Mối quan hệ giữa CSTK và CSTT ở Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường đại học kinh tế Tp.HCM.

28. Truman, Edwin (2003), “Inflation targeting in the World economy”, Institute for International Economics, Washington, DC.



Máy vi tính hỏi virus: “Câu từ đâu đến đây thế?”.

- Thế câu ở đâu ra?
- Tổ đến từ USA.
- Vậy tổ là hàng xóm của cậu rồi. Tổ đến từ... USB.

Thật thà

Trong một vụ cướp, nạn nhân chống đối dữ dội với hung thủ đến nỗi cả hai cùng ngất xỉu.

Tên cướp tỉnh dậy trước, moi túi nạn nhân chỉ tìm thấy vài đô la. Lúc nạn nhân tỉnh lại, tên cướp giận dữ nói:

- Đồ con lừa, có ngân ấy tiền cũng bày đặt chống cự.
- Vì tôi cứ tưởng ông định cướp một ngàn đô la tôi giấu trong chiếc tất!